CTY CP ĐT HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM

50 Tôn Thất Đạm, Quận 1, TP.HCM

Mẫu số B 02a - DN/HN

(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và sửa đổi, bổ sung theo TT 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ 01/01 đến 30/09	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	53.610.676.988	41.982.261.504	147.459.408.639	147.333.714.647
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		**53.610.676.988**	**41.982.261.504**	**147.459.408.639**	**147.333.714.647**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	7.830.571.827	2.341.448.224	23.513.041.235	16.419.705.566
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**45.780.105.161**	**39.640.813.280**	**123.946.367.404**	**130.914.009.081**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	110.473.336.281	46.323.152.554	322.095.369.955	453.185.979.498
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	17.362.049.908	25.755.714.484	259.187.408.876	101.605.392.626
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*42.569.049.489*	*13.728.313.214*	*115.830.469.016*	*83.989.625.668*
8. Chi phí bán hàng	24		24.059.310.676	25.135.325.225	74.268.471.162	77.795.020.041
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.802.606.433	3.379.081.845	11.089.117.749	9.830.589.401
10. Lợi nhuận thuần từ HĐ kinh doanh[30=20+(21-22)-(24+25)]	**30**		**112.029.474.425**	**31.693.844.280**	**101.496.739.572**	**394.868.986.511**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ 01/01 đến 30/09	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
11. Thu nhập khác	31		1.970.563.825	1.102.548.508	2.075.171.091	1.592.483.714
12. Chi phí khác	32		3.783.462	6.615.313	15.612.616	11.201.189
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**1.966.780.363**	**1.095.933.195**	**2.059.558.475**	**1.581.282.525**
14 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	**45**		**7.399.343.829**	**6.202.397.345**	**10.502.293.911**	**20.686.866.098**
15. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40+45)	**50**		**121.395.598.617**	**38.992.174.820**	**114.058.591.958**	**417.137.135.134**
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	1.645.638.392	732.535.259	1.645.638.392	82.535.653.920
18 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	**60**		**119.749.960.225**	**38.259.639.561**	**112.412.953.566**	**334.601.481.214**
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	**61**		17.558.795.944	-5.435.098.008	-18.236.303.623	-2.170.459.037
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	**62**		**102.191.164.281**	**43.694.737.569**	**130.649.257.189**	**336.771.940.251**
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.360	522	1.739	4.566

TP. HCM, ngày 18 tháng 11 năm 2011

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
	Lê Quốc Bình	LÊ VŨ HOÀNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH